

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết đơn vị đo diện tích ki-lô-mét vuông:

+ Biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa ki-lô-mét vuông với héc-ta, mét vuông;

+ Đọc, viết các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông;

+ Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong HĐ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV**: Các hình ảnh có trong bài, bài giảng PPT, bảng phụ, trò chơi, …

- **HS**: Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT  
**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  ***- Mục tiêu:*** *+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  ***- Cách tiến hành:*** | |
| - GV đọc (hoặc trình chiếu) từng câu, giới thiệu một vài số đo diện tích thực tế theo các đơn vị đo diện tích đã học.  Ví dụ:   * Phòng học lớp mình có diện tích … m2.   Trường chúng ta có diện tích khoảng … ha. (GV cần tham khảo trước các số đo này.)  GV treo (hoặc trình chiếu) hình ảnh Khởi động, HS quan sát, đọc (theo các bóng nói).  -GV giới thiệu bài | – HS quan sát, đọc (theo các bóng nói).    -HS ghi vở |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **-** Mục tiêu: Nhận biết đơn vị đo diện tích ki-lô-mét vuông:  + Biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa ki-lô-mét vuông với héc-ta, mét vuông;  + Đọc, viết các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông;  + Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.  **-** Cách tiến hành: | |
| 1. **Giới thiệu ki-lô-mét vuông**   -GV gắn bìa hình vuông có kẻ sẵn ô như SGK lên bảng lớp.  *+ Hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?*  *+ Diện tích hình vuông này là một ki-lô-mét vuông*  • Ki-lô-mét vuông là đơn vị đo đại lượng nào? (Ki-lô-mét vuông là một đơn vị đo diện tích → GV viết bảng.)  • GV giới thiệu cách vết tắt ki-lô-mét vuông  - GV viết bảng: Ki-lô-mét vuông viết tắt là km2.  •1 km2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  - GV viết bảng: km2 là diện tích hình vuông có cạnh dài 1 km.  **2. Quan hệ giữa ki-lô-mét vuông và héc-ta; giữa ki-lô-mét vuông và mét vuông**    – GV viết bảng: 1 km2 = 100 ha.  – GV tiếp tục vấn đáp để HS nói:  **1 km2 = 100 ha**  **1 ha = 10 000 m2**  **→ 1 km2 = 1 000 000 m2**  **(100 x 10 000 = 1 000 000)**  **1 000 000 m2 = 1 km2** | – HS (nhóm đôi) quan sát và tìm hiểu hình ảnh được vẽ trên bảng lớp  + 1 km.  •1 km.  –HS (nhóm 4) thảo luận, nhận biết quan hệ giữa ki-lô-mét vuông và héc-ta.  –HS quan sát hình ảnh trong SGK,  nhận biết:  • Ô vuông có cạnh 100 m → Diện tích là 1 ha.  • Hình vuông có cạnh 1 km → Diện tích 1 km2.  – HS thảo luận tìm cách làm.  • Tìm xem hình vuông gồm bao nhiêu ô vuông.  (10 x 10 = 100 ô vuông)  → 1 km2 = 100 ha 100 ha = 1 km2– HS lặp lại nhiều lần. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  Lưu ý: GV cũng có thể:  a) Viết từng số đo lên bảng lớp (hoặc đưa các bảng con có ghi số đo lên) cho HS đọc  **→**  Khuyến khích nhiều em đọc.  b) Đọc lần lượt các số liệu cho HS viết vào bảng con **→**  Khuyến khích nhiều em đọc số đo.  **Bài 2:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT2  – Đối với những HS hạn chế trong tính toán, GV nhắc các em có thể coi trăm hay triệu là đơn vị đếm.  – Khi sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/nói). | - 1HS đọc yêu cầu BT1  – HS (nhóm đôi) đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:  a) Đọc số đo diện tích.  b) Viết số đo diện tích.  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  – Sửa bài, HS (vài nhóm) đọc kết quả.  - 1HS đọc yêu cầu BT2  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết:  • Yêu cầu của bài: Số?  • Tìm thế nào? (Chuyển đổi đơn vị đo.)  – Hỏi nhanh đáp gọn ôn lại cách chuyển đổi đơn vị.  – HS thực hiện cá nhân. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  Lưu ý: HS có thể giải thích bằng nhiều cách,  nếu phù hợp thì công nhận.  GV giúp HS nhận xét: Dựa vào cách so sánh số.  …  **Bài 2:**  – GV giúp HS xác định độ lớn của 1 m2, 1 ha, hay 1 km2.  – Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích  cách làm.  **Bài 3:**  -GV gọi HS đọc yêu cầu BT3  – Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích  cách làm.  Lưu ý: Bài có nhiều cách giải, HS thực hiện  theo cách nào cũng được. HS chọn cách làm  phù hợp và có kết quả đúng thì chấp nhận.  **Khám phá**  GV gọi HS đọc yêu cầu  – Sửa bài, HS nêu kết quả, GV khuyến khích  các em giải thích cách làm.  **Mở rộng:**  – Nước Nga nằm ở phía Bắc lục địa Á – Âu.  Ngày 12/6/1990, Nga chính thức tuyên bố chủ quyền với tên gọi Liên bang Nga. Nước Nga có trên 180 dân tộc, trong đó dân tộc Nga là đông nhất (Nguồn: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn).  – Nước Va-ti-can có diện tích khoảng 44 ha, là quốc gia nhỏ nhất thế giới, dân số khoảng  800 người. Từ năm 1984, Va-ti-can trở thành quốc gia đầu tiên và duy nhất đến nay được UNESCO công nhận toàn bộ lãnh thổ là Di sản Văn hoá thế giới (Nguồn: http://caobangtv.vn). | –HS đọc yêu cầu.  – HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:  •Sắp xếp các số đo theo thứ tự từ lớn đến bé.  •Ghép tên các tỉnh với số đo phù hợp.  – HS (nhóm bốn) thảo luận tìm cách làm.  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm  – Sửa bài, HS (vài nhóm) nêu kết quả, giải thích cách làm.  Ví dụ:  •Tìm số đo lớn nhất (16 490 km2**→** Ghép với tỉnh Nghệ An.  •Tìm số đo bé nhất (820 km2) **→** Ghép với tỉnh Bắc Ninh.  •Số đo lớn hơn (15 510 km2) **→**  Ghép với tỉnh Gia Lai.  •Số đo bé hơn (860 km2) **→**  Ghép với tỉnh Hà Nam.  – HS nhóm bốn tìm hiểu bài, nhận biết cách chọn đơn vị đo phù hợp điền vào chỗ chấm.  a) km2 b) ha c) m2  – HS giải thích cách làm.  Ví dụ:  a) Tỉnh Tuyên Quang có diện tích khoảng  5 870 km2 . Vì diện tích một tỉnh rất lớn,lớn hơn diện tích khu vườn, trang trại; có rất nhiều trường học; … nên chọn đơn vị  ki-lô-mét vuông.  b) Diện tích trường tiểu học không thể là 2 km2 vì diện tích này quá lớn; cũng không thể là 2 m2vì diện tích này quá nhỏ, chỉ bằng diện tích mặt bàn của GV  . Diện tích trường học là 2 ha là Hợp lí.  c) Diện tích phòng học không thể là 48 km2 hay 48 ha vì diện tích như vậy quá lớn . Diện tích phòng học là 48 m2 là Hợp lí  (GV có thể cho HS ước lượng diện tích phòng học của các em để khẳng định).  – HS đọc yêu cầu: Số?  – HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài toán, giải bài toán.  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  – HS giải thích cách làm.  Ví dụ: Xác định tổng diện tích hai tỉnh  (7259 km2), hiệu diện tích hai tỉnh (2191km2)  **→**  Nhận dạng bài toán: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu  **→**  Số lớn: Diện tích tỉnh Bắc Kạn; Số bé: Diện tích tỉnh Bạc Liêu  **→**  Cách làm:  Số lớn = (tổng + hiệu) : 2  **→**  Diện tích tỉnh Bắc Kạn:  Số bé = tổng – số lớn  **→**  Diện tích tỉnh Bạc Liêu.  – HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết.  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  – HS giải thích cách làm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................



**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được tỉ lệ bản đồ; đọc được tỉ lệ bản đồ; biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ trong thực tế.

– Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** :

* Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
* Bản đồ Việt Nam (và một số bản đồ hay lược đồ) dùng cho phần Khởi động và Cùng học, mục Khám phá, bảng số liệu dùng cho bài Thực hành 1 (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, Bản đồ Việt Nam (giống bản đồ của GV nhưng nhỏ hơn).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV trình chiếu (hoặc treo) bản đồ Việt Nam cho HS quan sát và vấn đáp:  + Đây là gì?  + Thực tế hình ảnh nước ta có bé như vậy không?  + Thực tế hình ảnh nước ta lớn gấp hình ảnh này bao nhiêu lần?  -GV Giới thiệu bài: Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết được thông tin này mỗi khi quan sát bất kì một tấm bản đồ nào - Tỉ lệ bản đồ. | – HS quan sát và vấn đáp.  + Bản đồ Việt Nam.  + Thực tế hình ảnh nước ta không bé như vậy.  -HS lắng nghe, ghi vở |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Tỉ lệ bản đồ**  **-** Mục tiêu: *Nhận biết được tỉ lệ bản đồ; đọc được tỉ lệ bản đồ; biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ trong thực tế.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **1. Tỉ lệ bản đồ**  – GV treo bản đồ Việt Nam lên cho HS quan sát .Gọi vài nhóm HS trình bày, khuyến khích các em vừa nói vừa chỉ vào các thông tin trên bản đồ.  – GV kết luận (vừa nói, vừa chỉ vào bản đồ; HS quan sát và lắng nghe).  + Ở góc phía dưới của bản đồ nước Việt Nam trong SGK có ghi: “Tỉ lệ 1 : 15 000 000”. Đó là tỉ lệ bản đồ.  + Tỉ lệ 1 : 15 000 000 cho biết các khoảng cách thực tế đã được vẽ thu nhỏ lại 15 000 000 lần. Khi đó, độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 15 000 000 cm = 150 km.  + Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.  – GV treo (hoặc trình chiếu) thêm một vài bản đồ cho HS quan sát và đọc tỉ lệ bản đồ.  **2.Bài toán 1**  –GV trình chiếu (hoặc treo bảng phụ) viết đề bài toán cho HS đọc đề.  GV có thể gợi ý:  –Đổi đơn vị đo từ mét sang xăng-ti-mét.  –Tỉ lệ 1 : 500 nghĩa là khoảng cách thực tế giảm đi bao nhiêu lần thì được khoảng cách trên bản đồ?   Áp dụng: Giảm một số đi một số lần   Thực hiện phép tính gì?  –Sửa bài, GV khuyến khích một vài nhóm HS trình bày cách làm.  **3.Bài toán 2**  –GV trình chiếu (hoặc treo bảng phụ) viết đề bài toán cho HS đọc đề.  GV có thể gợi ý:  –Tỉ lệ 1 : 1 000 000 nghĩa là khoảng cách thực tế gấp mấy lần khoảng cách trên bản đồ?   Áp dụng: Gấp một số lên một số lần   Thực hiện phép toán gì?  –Đổi đơn vị đo từ mi-li-mét sang ki-lô-mét.  –Sửa bài, GV khuyến khích một vài nhóm HS trình bày cách làm.  - GV nhận xét, tuyên dương. | – HS thảo luận nhóm bốn, quan sát bản đồ, tìm ghi chú về tỉ lệ trên bản đồ  Đọc . Nhận xét cách viết.  HS quan sát và đọc tỉ lệ bản đồ.  –HS đọc đề.  –HS (nhóm đôi) thảo luận tìm cách làm  –HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Bài giải  20 m = 2 000 cm  Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là:  2 000 : 500 = 4 cm.  –HS (nhóm đôi) thảo luận tìm cách làm.  –HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Bài giải  147 × 1 000 000 = 147 000 000  Độ dài thật của quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh đến Đồng Tháp là:  147 000 000 mm = 147 km |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  - GV mời HS đọc yêu cầu BT1  - Với những HS còn hạn chế, GV có thể giúp các em xác định được độ dài thật, độ dài trên bản đồ, tỉ lệ bản đồ.  – Sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp sức, khuyến khích HS nói cách làm.  – GV hệ thống các cách làm:  •Độ dài thật = độ dài trên bản đồ × số lần.  •Độ dài trên bản đồ = độ dài thật (cùng đơn vị đo) : số lần.  •Tỉ lệ bản đồ = độ dài trên bản đồ : độ dài thật (cùng đơn vị đo).  Trước khi thực hiện tính toán, phải đổi đơn vị đo của độ dài thật theo đơn vị đo của độ dài trên bản đồ. | –HS đọc yêu cầu BT1  -HS (nhóm đôi) đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận tìm cách làm.  –HS thực hiện cá nhân. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| GV tổng kết tiết học, dặn dò, tuyên dương | HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................



**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được tỉ lệ bản đồ; đọc được tỉ lệ bản đồ; biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ trong thực tế.

– Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** :

* Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
* Bản đồ Việt Nam (và một số bản đồ hay lược đồ) dùng cho phần Khởi động và Cùng học, mục Khám phá, bảng số liệu dùng cho bài Thực hành 1 (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, Bản đồ Việt Nam (giống bản đồ của GV nhưng nhỏ hơn).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS hát múa để tạo không khí lớp học vui tươi.  -GV Giới thiệu bài. | – HS múa hát  -HS lắng nghe, ghi vở |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  -GV mời HS đọc yêu cầu BT1  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày.  **Bài 2:**  -GV mời HS đọc yêu cầu BT2  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi | –HS đọc yêu cầu BT1  - HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết  yêu cầu của bài.  –HS thực hiện cá nhân.  Bài giải  Trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là:  3 × 10 000 000 = 30 000 000  30 000 000 cm = 300 km  –HS đọc yêu cầu BT2  –HS xác định bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  –HS thực hiện cá nhân.  Bài giải  354 km = 354 000 000 mm  Trên bản đồ quãng đường từ Hà Tĩnh đến Hà Nội dài là:  354 000 000 : 2 000 000 = 177 mm |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 3:**  -GV mời HS đọc yêu cầu BT3  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi  –Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói giải thích cách làm.  Lưu ý: GV giúp các em chọn sai nhận ra chỗ sai của mình.  **Khám phá**  –-GV mời HS đọc yêu cầu  - Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  **Hoạt động thực tế**  -GV mời HS đọc yêu cầu  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm. | -HS đọc yêu cầu BT3  - HS nhận biết yêu cầu của bài: Chọn ý trả lời đúng.  –HS tìm hiểu bài rồi thực hiện.  –HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm đôi.  –Khi sửa bài, HS giải thích tại sao chọn đáp án đó.  a) A b) B  Ví dụ:  a)20 cm × 10 000 = 200 000 cm  200 000 cm = 2 km  b)15 m = 1 500 cm 10 m = 1 000 cm  1500 cm : 500 = 3 cm 1000 cm : 500 = 2 cm  …  –HS (nhóm đôi) đọc đề bài, nhận biết  được vấn đề cần giải quyết.  –HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  –Sửa bài, HS (vài nhóm) đọc kết quả, HS giải thích cách làm.  Ví dụ: Tỉ lệ của bản vẽ là 1 : 100 hay Vì  –Chiều cao của ngôi nhà trên bản vẽ là 42mm (15 + 27 = 42).  –Thực tế: 4 m 20 cm = 4 200 mm  - 42 : 4 200 = 1 : 100  –HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.  –HS giải thích cách làm.  Ví dụ:  •Bước 1: Đổi đơn vị đo từ mét sang  xăng-ti-mét.  •Bước 2: Tìm chiều dài nền phòng học trên bản vẽ.  •Bước 3: Tìm chiều rộng nền phòng học trên bản vẽ.  •Bước 4: Vẽ hình chữ nhật.  8 m = 800 cm 6 m = 600 cm  800 : 200 = 4  Chiều dài nền phòng học trên bản vẽ là 4 cm.  600 : 200 = 3  Chiều rộng nền phòng học trên bản vẽ là 3 cm.  b) Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 4 cm và chiều rộng 3 cm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................



**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Củng cố các kĩ năng liên quan đến:

+ Số tự nhiên, các phép tính với số tự nhiên, phân số.

+ Đơn vị đo diện tích: héc-ta, ki-lô-mét vuông.

+ Phân số thập phân, hỗn số, tỉ số.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** : Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, hình ảnh, bảng phụ, …

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** *Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  **b. Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổ chức cho HS hát  - GV dẫn dắt vào bài học. | | - HS tham gia hát và vận động theo nhạc  - HS lắng nghe |
| **2. Thực hành và luyện tập**  **a. Mục tiêu:** *Biết cách đọc, viết các đơn vị đo diện tích đã học. Giải quyết các bài tập về số thập phân.*  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS hoạt động nhóm.  a) Đọc số: 14 487 400 héc-ta.  b) Viết số đo diện tích trên theo đơn vị ki-lô-mét vuông.  - Gọi HS chia sẻ  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS nêu miệng.  - GV chiếu hình ảnh  + Mỗi tờ giấy có bao nhiêu ô vuông?  + Đã tô màu bao nhiêu ô vuông?  a) Thay … bằng phân số thập phân thích hợp .  Đã tô màu …tờ giấy  + Nêu cách đọc và viết hỗn số  b) Viết phân số thập phân ở câu a dưới dạng hỗn số. Nêu phần nguyên, phần phân số của hỗn số đó.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS bảng con.  - GV nhận xét.  **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS nêu  a. Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1.  b. 315mm2 = 31 cm2  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS đọc và nêu đề bài  - HS hoạt động nhóm đôi  a) Đọc số: mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm héc-ta.  b) 14487400 ha = 144874 km2 (vì 1 km2 = 1 trăm ha 14487400 : 100 = 144874)  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc và nêu đề bài  - HS nêu.  - HS quan sát  + Có 100 ô vuông  + Đã tô 147 ô vuông  a) Một tờ giấy được chia thành 100 ô vuông bằng nhau  Đã tô màu tờ giấy.  + Khi đọc ( hoặc viết) hỗn số ta đọc ( hoặc viết) phân nguyên rồi đọc (hoặc viết ) phần phân số .  b) = 1vì 147 : 100 = 1 (dư 47) (Tính nhẩm: 100 × 1 = 100, 147 – 100 = 47).  - HS đọc và nêu đề bài  - HS làm bảng con.  a) 631 ha = 6km2  b) 85000 m2 = 8 ha  - HS đọc và nêu đề bài  - HS nêu miệng  a) Đ  b) S (Vì 100 mm2 = 1 cm2 ; 315 : 100 = 3 (dư 15) ; 315 mm2 = 3 cm2) |
| **Hoạt động 2:**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập.  **b. Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 5:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS bảng con.  a. 122 485 + 38 074  b. 207186 – 42 053  c. 14508 × 82  d. 617 694 : 42  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 6:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  a. 250 × 8 × 125 × 40  b. + + +  c. ×4 × ×  d. × + ×  - Gọi HS chia sẻ.  - GV nhận xét – tuyên dương | | - HS đọc và nêu đề bài  - HS làm bảng con      - HS đọc và nêu đề bài  - HS hoạt động nhóm 4  a) 250 × 8 × 125 × 40 =  =(250 × 40) × (125 ×8)  = 10000 × 1000  = 10000000  b. + + + =  = ( + )+( +)  = ( +)+( +)  = 1 + 2 = 3  c. ×4 × × =  = ( × ) × (4 × )  = 1 × 1 = 1  d. × + × =  = × ( + )  = × 1 =  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS nhận xét |
| **4. Hoạt động nối tiếp**  **a. Mục tiêu:** *Ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.*  **b. Cách tiến hành:** | | |
| - Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời: Sau bài học em học được những gì?  - Nhận xét tiết học  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đánh giá, nhận xét tiết học.  - Dặn dò tiết sau. | - HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. | |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................



**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Củng cố các kĩ năng liên quan đến: Phân số thập phân, hỗn số, tỉ số.

- Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản trong thực tiễn liên quan đến tỉ lệ bản đồ; thống kê; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số; tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số; tỉ số.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** : Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, hình ảnh, bảng phụ, …

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** *Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  **b. Cách tiến hành:** | |
| - Giáo viên nêu tên trò chơi và hướng dẫn cách chơi  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài học. | - HS chơi trò chơi.  = =  - HS lắng nghe |
| **2. Thực hành và luyện tập**  **Mục tiêu:** *Biết cách tìm thành phần chưa biết của cộng, trừ phân số. Giải quyết các bài tập về tỉ lệ bản đồ. Giải được các bài toán liên quan về đơn vị khối lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| **Bài 7:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS hoạt động nhóm.  a) + …. =  b) - …. =  - Gọi HS chia sẻ  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 8:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS nêu miệng.  - GV chiếu hình ảnh  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 9:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS nêu  + Dạng toán gì?  a. Cửa hàng đã nhập về ..?.. kg đường và ..?.. kg sữa bột  b. Cửa hàng đóng gói đường và sữa bột vào các túi. Mỗi túi đường có kg đường; mỗi túi sữa có kg sữa bột. Lượng hàng nhập về đã đóng gói được ..?.. túi đường và ..?.. túi sữa.  - GV nhận xét.  **Bài 10:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV HD phân tích đề.  + Thân và đuôi nặng gấp 3 lần đầu cho ta biết gì?  + Còn sự liên quan nào giữa “thân và đuôi” với “đầu”?  + Nhận dạng bài toán  + Đâu là số bé, số lớn?  + Sử dụng bài toán “Tổng – Tỉ” để tìm gì?  + Tại sao?  + Tìm được đầu cá ta dựa vào quy tắc nào để tìm thân cá ?  - GV cho HS làm vở  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc và nêu đề bài  - HS hoạt động nhóm đôi  a) + =  b) - =  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc và nêu đề bài  - HS nêu  - HS quan sát  a) D  Vì 31 cm × 1000000 = 31000000 cm (= 310000 m) = 310 km.  b) A  Vì 180 km (=180000 m) = 180000000 mm 180000000 mm : 5000000 = 36 mm.  - HS đọc và nêu đề bài  - HS nêu miệng và giải thích  + Dạng tổng và hiệu  a) 90 và 30  Tổng: 120 kg; Hiệu: 60 kg.  Số lớn: khối lượng đường; Số bé: khối lượng sữa bột.  Số bé = (tổng – hiệu) : 2 30 kg sữa bột. Số lớn = số bé + hiệu 90 kg đường.  b) 180 và 120  kg đường – 1 túi  90: = 180  90 kg đường - ? túi  180 túi đường  kg sữa bột – 1 túi  30 : = 120  30 kg sữa bột – ? túi  120 túi sữa  - HS đọc và nêu đề bài  - HS nêu miệng.  + số  + Khối lượng cả con cá và Tổng.  + Dạng bài toán Tổng – Tỉ.  + Đầu; thân và đuôi.  + tìm Đầu.  + Bài toán hỏi khối lượng thân cá, thân cá nặng bằng đầu cá  + Tìm giá trị phân số của một số.  - 1 HS làm bảng, cả lớp làm vở  Bài giải  Theo bài, ta có sơ đồ  2 kg 400 g = 2400 g  Tổng số phần bằng nhau là:  1 + 3 = 4 phần  Đầu cá nặng là:  2 400 : 4 = 600 g  Thân cá nặng là:  600 × = 1000 g = 1 kg. |
| **3. Vận dụng: Đất nước em**  **a. Mục tiêu:**  *Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến khái niệm tỉ số.*  **b. Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Cho HS bảng con.  + Một nhà rộng cao 18 m, một tòa nhà hai tầng cao 7m 20cm. Tỉ số chiều cao của tòa nhà và nhà rông là bao nhiêu  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Tổ chức HS thảo luận nhóm.  - Gọi HS chia sẻ.  - GV nhận xét – tuyên dương | - HS đọc và nêu đề bài  - HS làm bảng con  + Tỉ số chiều cao của toà nhà và nhà rông là: ( vì :18 == )  - HS đọc và nêu đề bài  - HS hoạt động nhóm  b) Tỉnh Gia Lai có diện tích lớn nhất.  c) Tỉnh Đắk Nông có diện tích bé nhất.  d) Diện tích tỉnh Gia Lai hơn diện tích tỉnh Đắk Nông là:  1551010 – 650930 = 900080 ha  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS nhận xét |
| **4. Hoạt động nối tiếp:**  **a. Mục tiêu:** Ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  **b. Cách tiến hành:** | |
| - GV tổng kết bài học, nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | - HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................